BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: 246 /QĐ-BNV	*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL - L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ- CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2008, tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Văn Tuấn (để báo cáo);
- Ban Đối ngoại Trung ương;
- Bộ Ngoại giao;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
- Lưu:VT, TCPCP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dĩnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM – CAMPUCHIA

(Phê duyệt theo Quyết định số 246 /QĐ-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi

Tên gọi của Hội là Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia là tổ chức quần chúng rộng rãi của nhân dân Việt Nam, là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Mục đích của Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia là nhằm góp phần tăng cường sự hiểu biết giữa nhân dân hai nước, củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động

1. Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia hoạt động theo Điều lệ Hội, Điều lệ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các qui định của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia (sau đây gọi tắt là Hội) có trụ sở tại Hà Nội, hoạt động trên phạm vi toàn quốc, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao về lĩnh vực hoạt động của Hội.

Chương II
NHIỆM VỤ CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ

1. Giới thiệu các thông tin về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hóa, truyền thống đoàn kết, hữu nghị, sự hợp tác nhiều mặt giữa hai nước và những

thành tựu phát triển nhằm góp phần tăng cường sự hiểu biết giữa nhân dân hai nước.

2. Tổ chức các đoàn trao đổi hữu nghị, trao đổi thông tin, các hoạt động giao lưu giữa các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, nhân sĩ, trí thức giữa nhân dân hai nước, trao đổi các đoàn hữu nghị giữa nhân dân hai nước và giới thiệu chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa của Việt Nam vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

3. Tham gia nghiên cứu, khuyến nghị, đề xuất các chính sách và biện pháp về phát triển quan hệ hợp tác nhiều mặt Việt Nam – Campuchia.

4. Khuyến khích, hỗ trợ, tham gia làm cầu nối thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác về kinh tế, thương mại, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch... giữa các đối tác của Việt Nam và Campuchia.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 5. Hội viên

1. Công dân, tổ chức Việt Nam tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội, được Ban Thường vụ Ban Chấp hành trung ương Hội chấp thuận là hội viên cá nhân hoặc tổ chức thành viên của Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia.

2. Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Chi hội hữu nghị với nhân dân Campuchia tổ chức tại các ngành có đơn xin gia nhập Hội, được Ban Thường vụ công nhận là hội viên của Hội.

Điều 6. Nhiệm vụ của hội viên

1. Chấp hành pháp luật nhà nước, đạo đức công dân, chấp hành Điều lệ, các nghị quyết và chủ trương của Hội.

2. Tham gia đầy đủ các hoạt động và sinh hoạt của Hội.

3. Đóng góp lệ phí hội viên hằng năm theo qui định của Hội.

4. Các tổ chức thành viên của Hội hàng năm phải gửi báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của tổ chức mình cho Ban Chấp hành Trung ương Hội để tổng hợp, theo dõi.

Điều 7. Quyền lợi của hội viên

1. Tham gia xây dựng và biểu quyết thông qua các quyết định, chủ trương, đề xuất về chương trình hoạt động của Hội.

2. Được thông tin, tham gia các hoạt động của Hội, được giúp đỡ và tạo điều kiện trong các hoạt động góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước.

3. Được tham gia bầu cử, ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

4. Có quyền xin ra khỏi Hội.

Điều 8. Thôi làm hội viên của Hội

Các Hội viên thôi không làm Hội viên của Hội do một trong các lý do sau:

1. Khi muốn ra khỏi Hội, hội viên phải làm đơn xin ra và được Ban Thường vụ Ban Chấp hành trung ương Hội chấp thuận, nếu là hội viên của Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia; đối với Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia ở các tỉnh, thành phố trực thộc trung ương hoặc Chi hội tổ chức tại các ngành thì đơn xin ra khỏi Hội do cơ quan thường trực của các tổ chức này chấp thuận;

2. Vi phạm Điều lệ Hội, bị khai trừ ra khỏi Hội.

Chương IV
TỔ CHỨC HỘI

Điều 9. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.

2. Ban Chấp hành trung ương Hội.

3. Ban Thường vụ Ban Chấp hành trung ương Hội.

Điều 10. Đại hội đại biểu

1. Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan cao nhất của Hội, được triệu tập 5 (năm) năm một lần. Đại hội đại biểu toàn quốc thảo luận, thông qua Điều lệ và việc sửa đổi Điều lệ của Hội, báo cáo chính trị, chương trình công tác nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trung ương Hội, bầu Ban Chấp hành trung ương khóa mới.

Khi có yêu cầu đặc biệt và được hai phần ba số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương kiến nghị, Hội có thể triệu tập Đại hội toàn quốc bất thường.

2. Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Chi hội tổ chức tại các ngành là thành viên của Hội Hữu nghị Việt Nam – Camuchia được bầu đại biểu của mình tham gia Đại hội và ứng cử vào Ban Chấp hành trung ương Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Điều 11. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành trung ương Hội (Ban Chấp hành) là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ đại hội và có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ Đại hội. Ban Chấp hành gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Ban Chấp hành họp mỗi năm một lần để kiểm điểm hoạt động trong năm và đề ra phương hướng hoạt động năm sau; bầu bổ sung thành viên Ban Chấp hành Trung ương trên cơ sở tham khảo ý kiến của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam. Số lượng thành viên bổ sung không quá một phần ba tổng số Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội bầu ra.

Điều 12. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu ra để giải quyết công tác thường xuyên của Hội và chỉ đạo, điều phối các ban chuyên môn. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và một số Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Ban Thường vụ có nhiệm vụ hướng dẫn Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chi hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia tại các ngành về chủ trương, phương hướng hoạt động, cung cấp thông tin cần thiết khác theo chức năng nhiệm vụ của Hội.

Điều 13. Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu bầu theo nhiệm kỳ Đại hội, gồm Trưởng ban và một số Uỷ viên do Đại hội quyết định.

Ban Kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện, chấp hành Điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Hội.

Điều 14. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch

Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội (gọi tắt là Chủ tịch Hội) có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội; đại diện cho Hội trong quan hệ đối nội, đối ngoại và làm chủ tài khoản của Hội;

b) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;

c) Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;

d) Bổ nhiệm lãnh đạo Ban Thư ký, các ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội sau khi đã được Ban Thường vụ thông qua;

e) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và toàn thể hội viên về các hoạt động của Hội.

2. Phó Chủ tịch

Phó Chủ tịch Hội là người được Chủ tịch uỷ nhiệm và phân công trực tiếp quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực công việc cụ thể; được uỷ quyền quản lý, điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 15. Ban Thư ký và các Ban chuyên môn

1. Ban Thư ký

Ban Thư ký là cơ quan giúp việc của Hội, có nhiệm vụ xử lý các công việc hàng ngày của Hội; tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội và chuẩn bị nội dung cho hội nghị các cơ quan lãnh đạo. Ban Thư ký có trách nhiệm bảo vệ tài sản, hồ sơ tài liệu của Hội.

2. Các Ban chuyên môn

Ban Thường vụ quyết định thành lập các Ban chuyên môn (về kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, tổ chức, thông tin, tuyên truyền...) khi cần thiết và có quy định nhiệm vụ cụ thể.

Chương V
TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 16. Tài chính và quản lý tài chính

1. Tài chính của hội được góp từ các nguồn sau:

a) Hội phí hoặc đóng góp của các hội viên, các tổ chức thành viên;

b) Sự ủng hộ tài chính của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

c) Sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

d) Nguồn thu từ hoạt động gây quỹ của Hội theo đúng pháp luật.

2. Ban Chấp hành các cấp của Hội chịu trách nhiệm quản lý tài chính của mình theo qui định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Chương VI
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 17. Khen thưởng

1. Hội viên, cán bộ Hội và tổ chức Hội thành viên có thành tích hoạt động trong công tác hữu nghị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hằng năm và mỗi

kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc được các cấp của Hội xét khen thưởng hoặc đề nghị Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam khen thưởng.

2. Ban Chấp hành trung ương Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng.

Điều 18. Kỷ luật

1. Hội viên, cán bộ Hội và tổ chức Hội cơ sở vi phạm Điều lệ Hội, làm tổn thương đến danh dự của Hội, tùy theo mức độ sai phạm, có thể bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức hoặc khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia quy định nội dung, trình tự, thủ tục, hình thức và thẩm quyền kỷ luật của Hội.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia hoặc Hội nghị hiệp thương mở rộng của Ban Chấp hành Trung ương Hội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất hai phần ba (2/3) số đại biểu có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2008 tại Hà Nội.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.